TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 290/2021/QĐST-DS	*Củ Chi, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Số 622/16/6 đường C, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị L, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Số 162/85 đường số 10, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn H, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Tầng 4, số 11 Bis đường Nguyễn Văn Gi, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn D, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ , ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số 150 Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lê Thị B, sinh năm: 1946;

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

- Bà Lê Thị H2, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn Ch, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn Gi, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Số 152 đường Quốc lộ, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ng, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, ông Lê Văn D và bà Lê Thị H1 thống nhất như sau:

- Những người thừa kế di sản của ông Lê Văn H3, sinh năm: 1923, mất năm: 1994 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1925, mất năm: 2017 bao gồm: Bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ng, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, ông Lê Văn D và bà Lê Thị H1 (các con của ông H3 và bà B).

- Di sản của ông Lê Văn H3 và bà Nguyễn Thị B để lại là:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 5.751m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 6.042,7m^2), thuộc các thửa 215, 216, 218, 219, 272, 273, 284, 285, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 2.243m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 2.212,7m^2), thuộc các thửa 347, 1189, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B.

+ Tổng diện tích thực tế của 02 quyền sử dụng đất nêu trên là 8.255,4m^2. Quyền sử dụng đất có giá trị 1.200.000đ/m^2.

2.2. Di sản của ông Lê Văn H3 iền và bà Nguyễn Thị B được phân chia như sau:

2.2.1. Bà Lê Thị B được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 400m^2, thuộc các thửa 78-1, 79-2, 82-4 (tài liệu năm 2004), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 6 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Củ Chi ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 480.000.000đ.

2.2.2. Ông Lê Văn Ng được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.008,2m^2, thuộc các thửa 85-1, 86-5, 87-2 (tài liệu năm 2004) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 2 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 1.209.840.000đ.

2.2.3. Bà Lê Thị H2 được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.137,9m^2 thuộc các thửa 76-1, 86-1, 86-2, 84-1 (tài liệu năm 2004), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B. Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 1.365.480.000đ.

Trên quyền sử dụng đất có 01 căn nhà có diện tích 32,7m^2 có kết cấu mái lợp tole, không có la phông, tường gạch xây tô, nền gạch tàu, căn nhà nêu trên hiện bà Lê Thị H và chồng là ông Trần Văn Gi đang sinh sống (Khu 9 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021).

2.2.4. Ông Lê Văn Ch được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 400m^2, thuộc các thửa 82-2, 83-2, 86-4 (tài liệu năm 2004) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 4 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 480.000.000đ.

2.2.5. Bà Lê Thị Nh được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 992m^2, thuộc các thửa 76-2, 86-3 (tài liệu năm 2003), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 8 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 1.190.400.000đ.

2.2.6. Bà Lê Thị L được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 925,2m^2, thuộc các thửa 82-1, 83-1, 85-2, 86-4 (tài liệu năm 2004), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 3 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký

đất đai chi nhánh huyện C kiểm tra nội nghiệp ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 1.110.240.000đ.

2.2.7. Ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.098,1m^2, thuộc các thửa 79-1, 82-3, 83-3 (tài liệu năm 2004), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 5 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 1.317.720.000đ.

2.2.8. Ông Lê Văn D được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 801,4m^2, thuộc các thửa 86-6, 87-1 và 93-1 (tài liệu năm 2004), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 1 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 961.680.000đ.

2.2.9. Bà Lê Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 977,3m^2, thuộc thửa 76-3 (tài liệu năm 2004), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B, hiện trạng là đất trống (Khu 7 Bản vẽ sơ đồ nhà đất của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, kiểm tra nội nghiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C ngày 17/11/2021). Quyền sử dụng đất có tổng giá trị là 1.172.760.000đ.

2.2. Bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ng, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, ông Lê Văn D và bà Lê Thị H1 thống nhất dành 01 phần quyền sử dụng đất làm đường đi nội bộ có chiều ngang 04m, chiều dài tính từ vị trí đầu tiên là quyền sử dụng đất của ông D, lần lượt đi qua các quyền sử dụng đất của ông Ng, bà H2, bà L, ông H, bà Nh, bà B, ông Ch đến quyền sử dụng đất của bà H1. Tổng diện tích đường đi nội bộ là 515,3m^2, thuộc các thửa 86-7, 76-4, 96-1, 84-2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị B và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị B.

2.3. Ông Lê Văn D có nghĩa vụ giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 149 QSDĐ/ĐG ngày 18/01/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 393 QSDĐ/HTH ngày 08/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho mẹ là Nguyễn Thị B để các ông, bà Lê Thị B, Lê Văn Ng, Lê Thị H2, Lê Văn Ch, Lê Thị Nh, Lê Thị L, Lê Văn H, Lê Văn D và Lê Thị H1 liên hệ

với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất đã được phân chia thừa kế như trên.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ng, bà Lê Thị H2, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị Nh và bà Lê Thị L được miễn nộp tiền án phí do các ông, bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí;

- Ông Lê Văn H phải chịu án phí là 25.765.800đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.696.375đ ông Hùng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0033818 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, ông H còn phải nộp thêm số tiền 23.069.425đ;

- Ông Lê Văn D phải chịu án phí là 20.425.200đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.696.575đ ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0033848 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, ông D còn phải nộp thêm số tiền 17.728.625đ;

- Bà Lê Thị H1 phải chịu án phí là 23.591.400đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.632.500đ bà H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0033817 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, bà H1 còn phải nộp thêm số tiền 21.958.900đ;

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Nh số tiền tạm ứng án phí 1.632.500đ bà Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0033850 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi;

- Hoàn lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí 1.632.500đ bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0033849 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi;

- Hoàn lại cho ông Lê Văn Ng số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0013953 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.